

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 50/2020/KDTM-ST

Ngày: 06-11-2020

V/v tranh chấp “Tranh chấp hợp  
đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lâm Văn Vô

Bà Trần Thị Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Cao Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/KTST ngày 03 tháng 01 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/QĐST-KDTM-HPT ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, trụ sở: đường K, phường T, quận X, Thành phố Hà Nội.

Ông Nghiêm Xuân Th, cư trú: đường M, phường N, quận V, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

Bà Lê Thị Thanh T – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Sài Thành là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 248/UQ-VCB-PC ngày 18/6/2018)

Bà Lê Thị Thanh T ủy quyền lại cho ông Đỗ Minh Q, ông Lai Hồng P, ông Lộ Duy S làm đại diện: (Giấy ủy quyền số 1303/UQ-STN.HCNS ngày 04 tháng 12 năm 2019).

Địa chỉ liên hệ của ông Đỗ Minh Q, ông Lai Hồng P, ông Lộ Duy S: Đường E, Phường R, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông Q, ông P, ông S có mặt)

*Bị đơn:* Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ, trụ sở: đường V, Phường C, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Dương Thị Xuân H, địa chỉ thường trú: đường V, Phường C, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (bà H vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hà Việt C, sinh năm 1976, địa chỉ thường trú: đường V, Phường C, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (ông C vắng mặt)

2. Bà Dương Thị Xuân H, sinh năm 1979, địa chỉ thường trú: đường V, Phường C, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. (bà H vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ngày 05 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lai Hồng Q, ông Lô Duy S trình bày:

Ngày 16/05/2017, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ (sau đây gọi tắt là Công ty TĐ) đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0055/TD3.TC/17LD để vay vốn tại Ngân hàng với số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng); mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh; thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng là 60 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực; thời hạn rút vốn: Bên vay được quyền rút vốn làm một hoặc nhiều lần trong thời hạn tối đa 12 tháng (mười hai tháng) kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; thời hạn cho vay là 04 tháng (bốn tháng) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên giấy (theo từng Giấy nhận nợ); lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh Sài Thành, được ghi trên Giấy nhận nợ tại ngày rút vốn và được điều chỉnh 01 tháng/lần (mỗi tháng một lần) cho từng giấy nhận nợ theo lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) mức lãi suất cho vay trong hạn.

Khoản vay thuộc các giấy nhận nợ số 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 đính kèm Hợp đồng tín dụng nêu trên đã phát sinh nợ quá hạn và bị chuyển nợ xấu. Từ lúc phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu đến nay mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Công ty TĐ thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, Công ty TĐ vẫn không thực hiện trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn cho quá trình xử lý và thu hồi nợ xấu của Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty TĐ phải thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ tổng cộng là 909.972.512 đồng (chín trăm lẻ chín triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm mười hai đồng) tính đến ngày 06/11/2020. Trong đó, nợ gốc là 717.000.000 đồng (bảy trăm mười bảy triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 12.046.829 đồng (mười hai triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn,

tám trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn là 180.925.683 đồng (một trăm tám mươi triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng). Ngoài ra, Công ty TĐ còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 07/11/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong trường hợp Công ty TĐ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Mercedes-Benz màu sơn đen, biển kiểm soát số 51A-899.86, số máy 27091030383692, số khung WDD117343NO88232 thuộc sở hữu của ông Hà Việt C và bà Dương Thị Xuân H do bà Dương Thị Xuân H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo quy định tại Hợp đồng thế chấp số 0216/2017/STN ký ngày 16/05/2017 giữa ông Hà Việt C, bà Dương Thị Xuân H và Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ bị đơn là Công ty TĐ (người đại diện theo pháp luật là bà Dương Thị Xuân H), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hà Việt C, bà Dương Thị Xuân H đến Tòa án để ghi nhận lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không tiến hành hòa giải được.

Cụ thể, Công ty TĐ đã được Tòa án triệu tập các lần như sau:

- Thông báo về việc thụ lý vụ án số 480/2019/GB-TA ngày 03/01/2020, Giấy triệu tập số 03-2/GTT-TA ngày 10/3/2020 (làm việc vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 01/4/2020);

- Giấy triệu tập số 03-2/GTT-TA ngày 27/4/2020 (làm việc vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 20/5/2020);

- Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 03/TB-TA ngày 17/6/2020 và Giấy triệu tập số 03-2/GTT-TA ngày 17/6/2020 (tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 08/7/2020);

- Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 03-1/TB-TA ngày 08/7/2020 và Giấy triệu tập số 03-2/GTT-TA ngày 08/7/2020 (tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 22/7/2020);

- Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đề ngày 22/7/2020; Quyết định xét xử số 75/2020/QĐXXST-KDTM ngày 24/8/2020 và Giấy triệu tập xét xử số 03-2/GTT-TA ngày 24/8/2020 (phiên tòa lúc 08 giờ 00 phút ngày 14/9/2020);

- Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-KDTM-HPT ngày 14/9/2020, Quyết định xét xử số 99/2020/QĐXXST-KDTM ngày 08/10/2020 và

Giấy triệu tập xét xử số 03-2/GTT-TA ngày 08/10/2020 (phiên tòa lúc 08 giờ 00 phút ngày 06/11/2020).

Ông Hà Việt C đã được Tòa án triệu tập các lần như sau:

- Thông báo về việc thụ lý vụ án số 480/2019/GB-TA ngày 03/01/2020, Giấy triệu tập số 03-4/GTT-TA ngày 10/3/2020 (làm việc vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 01/4/2020);

- Giấy triệu tập số 03-4/GTT-TA ngày 27/4/2020 (làm việc vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 20/5/2020);

- Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 03/TB-TA ngày 17/6/2020 và Giấy triệu tập số 03-4/GTT-TA ngày 17/6/2020 (tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 08/7/2020);

- Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 03-1/TB-TA ngày 08/7/2020 và Giấy triệu tập số 03-4/GTT-TA ngày 08/7/2020 (tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 22/7/2020);

- Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đề ngày 22/7/2020; Quyết định xét xử số 75/2020/QĐXXST-KDTM ngày 24/8/2020 và Giấy triệu tập xét xử số 03-4/GTT-TA ngày 24/8/2020 (phiên tòa lúc 08 giờ 00 phút ngày 14/9/2020);

- Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-KDTM-HPT ngày 14/9/2020, Quyết định xét xử số 99/2020/QĐXXST-KDTM ngày 08/10/2020 và Giấy triệu tập xét xử số 03-4/GTT-TA ngày 08/10/2020 (phiên tòa lúc 08 giờ 00 phút ngày 06/11/2020).

Bà Dương Thị Xuân H đã được Tòa án triệu tập các lần như sau:

- Thông báo về việc thụ lý vụ án số 480/2019/GB-TA ngày 03/01/2020, Giấy triệu tập số 03-3/GTT-TA ngày 10/3/2020 (làm việc vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 01/4/2020);

- Giấy triệu tập số 03-3/GTT-TA ngày 27/4/2020 (làm việc vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 20/5/2020);

- Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 03/TB-TA ngày 17/6/2020 và Giấy triệu tập số 03-3/GTT-TA ngày 17/6/2020 (tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 08/7/2020);

- Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 03-1/TB-TA ngày 08/7/2020 và Giấy triệu tập số 03-3/GTT-TA ngày 08/7/2020 (tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 22/7/2020);

- Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đề ngày 22/7/2020; Quyết định xét xử số

75/2020/QĐXXST-KDTM ngày 24/8/2020 và Giấy triệu tập xét xử số 03-3/GTT-TA ngày 24/8/2020 (phiên tòa lúc 08 giờ 00 phút ngày 14/9/2020);

- Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-KDTM-HPT ngày 14/9/2020, Quyết định xét xử số 99/2020/QĐXXST-KDTM ngày 08/10/2020 và Giấy triệu tập xét xử số 03-3/GTT-TA ngày 08/10/2020 (phiên tòa lúc 08 giờ 00 phút ngày 06/11/2020).

Tại phiên tòa:

Những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn như: Ông Đỗ Minh A, ông Lai Hồng P, ông Lô Duy S do ông Lai Hồng P đại diện trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty TĐ phải thanh toán cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền tổng cộng là 909.972.512 đồng (chín trăm lẻ chín triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm mười hai đồng) tính đến ngày 06/11/2020. Trong đó, nợ gốc là 717.000.000 đồng (bảy trăm mười bảy triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 12.046.829 đồng (mười hai triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn là 180.925.683 đồng (một trăm tám mươi triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng). Ngoài ra, Công ty TĐ còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 07/11/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong trường hợp Công ty TĐ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Mercedes-Ben, biển kiểm soát số 51A-899.86 thuộc sở hữu của ông Hà Việt C và bà Dương Thị Xuân H do bà Dương Thị Xuân H đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo quy định tại Hợp đồng thế chấp số 0216/2017/STN ký ngày 16/05/2017 giữa ông Hà Việt C, bà Dương Thị Xuân H và Ngân hàng.

Bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ thanh toán cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 909.972.512 đồng (chín trăm lẻ chín triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm mười hai đồng) tính đến ngày 06/11/2020. Trong đó,

nợ gốc là 717.000.000 đồng (bảy trăm mười bảy triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 12.046.829 đồng (mười hai triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn là 180.925.683 đồng (một trăm tám mươi triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng). Ngoài ra, Công ty TĐ còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 07/11/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Mercedes-Ben, biển kiểm soát số 51A-899.86 thuộc sở hữu của ông Hà Việt C và bà Dương Thị Xuân H do bà Dương Thị Xuân H đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo quy định tại Hợp đồng thế chấp số 0216/2017/STN ký ngày 16/05/2017 giữa ông Hà Việt C, bà Dương Thị Xuân H và Ngân hàng trong trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án :

Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ (sau đây gọi tắt là Công ty TĐ) trả tiền nợ vay. Tại công văn số 3582/ĐKKD-THKT ngày 25/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh trả lời Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 87/2020/QĐ-CCCC ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận 5 thể hiện: *“Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ có địa chỉ trụ sở tại đường V, Phường C, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam”, “Đến nay, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ chưa đăng ký giải thể”, “Người đại diện theo pháp luật của công ty là Dương Thị Xuân H, sinh ngày 30/10/1979, chức danh: Giám đốc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là đường V, Phường C, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam”*. Như vậy, Hội đồng xét xử có thể xác định bị đơn – Công ty TĐ có địa chỉ trụ sở tại Quận 5. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5.

Kết quả xác minh của Công an phường C, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Hà Việt C và bà Dương Thị Xuân H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ đường V, phường C, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện tạm trú tại địa chỉ đường Y, phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh của Công an phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Hà Việt C và bà Dương Thị Xuân H không có tạm trú tại địa chỉ đường Y, Phường

D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy địa chỉ phường C, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh được xem là nơi cư trú cuối cùng của ông Hà Việt C và bà Dương Thị Xuân H. Ông C và bà H là người đang phải thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nhưng chuyển nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ phường C, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ trụ sở của Công ty TD tại phường C, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bị đơn là Công ty TD có người đại diện theo pháp luật là bà Dương Thị Xuân H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Việt C và bà Dương Thị Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TD, ông Hà Việt C và bà Dương Thị Xuân H.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và lời trình bày của đại diện nguyên đơn là Ngân hàng cho thấy Công ty TD có người đại diện theo pháp luật là bà Dương Thị Xuân H có ký kết và đồng ý với các điều khoản trong Hợp đồng cấp tín dụng số 0055/TD3.TC/17LD ngày 16/5/2017, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01-CV/0055/TD3.TC/17LD ngày 16/5/2017 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Căn cứ các tài liệu chứng cứ như sau:

- Giấy nhận nợ số 22 ngày 13/3/2018 cùng các ủy nhiệm chi cùng ngày 13/3/2018 với số tiền ghi nợ vào tài khoản Công ty TD là 40.000.000 đồng và 36.000.000 đồng, tổng cộng 76.000.000 đồng;
- Giấy nhận nợ số 23 ngày 20/3/2018 cùng ủy nhiệm chi ngày 20/3/2018 với số tiền ghi nợ vào tài khoản Công ty TD là 127.000.000 đồng;
- Giấy nhận nợ số 24 ngày 21/3/2018 cùng ủy nhiệm chi ngày 21/3/2018 với số tiền ghi nợ vào tài khoản Công ty TD là 50.000.000 đồng;
- Giấy nhận nợ số 25 ngày 08/5/2018 cùng ủy nhiệm chi ngày 08/5/2018 với số tiền ghi nợ vào tài khoản Công ty TD là 200.000.000 đồng;
- Giấy nhận nợ số 26 ngày 14/5/2018 cùng các ủy nhiệm chi cùng ngày 14/5/2018 với số tiền ghi nợ vào tài khoản Công ty TD là 132.260.000 đồng và 67.740.000 đồng, tổng cộng 200.000.000 đồng;
- Giấy nhận nợ số 27 ngày 15/5/2018 cùng các ủy nhiệm chi cùng ngày 15/5/2018 với số tiền ghi nợ vào tài khoản Công ty TD là 110.000.000 đồng và 90.000.000 đồng, tổng cộng 200.000.000 đồng;

- Giấy nhận nợ số 28 ngày 16/5/2018 cùng ủy nhiệm chi ngày 16/5/2018 với số tiền ghi nợ vào tài khoản Công ty TĐ là 60.000.000 đồng;

Như vậy, với các giấy nhận nợ như trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định Công ty TĐ đã nhận tổng khoản tiền vay là 913.000.000 đồng theo nhiều lần giải ngân của Ngân hàng.

[3.2] Theo Bảng Chi tiết tài khoản do Ngân hàng xuất trình tính đến ngày 06/11/2020 cho thấy Công ty TĐ đã thanh toán được số tiền tổng cộng là 196.000.000 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu đồng), bao gồm 76.000.000 đồng cho lần nhận nợ theo giấy nhận nợ số 22 ngày 13/3/2018 và 120.000.000 đồng cho lần nhận nợ theo giấy nhận nợ số 23 ngày 20/3/2018. Riêng các khoản nợ trong các giấy nhận nợ số 24, 25, 26, 27, 28 thì Công ty TĐ chưa thực hiện thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Như vậy có căn cứ xác định số nợ gốc hiện nay Công ty TĐ chưa thanh toán cho Ngân hàng là 717.000.000 đồng (bảy trăm mười bảy triệu đồng).

[3.3] Về các khoản tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.3.1] Đối với Giấy nhận nợ số 22 ngày 13/3/2018, Công ty TĐ đã nhận tổng cộng 76.000.000 đồng, đã thanh toán 76.000.000 đồng. Riêng đối với phần lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng. Căn cứ nội dung trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01-CV/0055/TD3.TC/17LD ngày 16/5/2017 và Giấy nhận nợ số 22 ngày 13/3/2018 có xác nhận của Công ty TĐ thì lãi suất các bên thỏa thuận áp dụng như sau: lãi suất trong hạn được tính là 7.6%/năm (một năm bằng 365 ngày), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 04 tháng (bốn tháng) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên giấy (theo từng Giấy nhận nợ), ngày lên phiếu tính lãi là ngày 26 hàng tháng.

- Tiền lãi trong hạn: Công ty TĐ được giải ngân ngày 13/3/2018, thời hạn vay 04 tháng tức đến ngày 13/7/2018 là ngày phải trả hết nợ, tuy nhiên đến ngày 24/9/2018 Công ty TĐ mới trả hết nợ theo Giấy nhận nợ số 22 (cụ thể: ngày 13/7/2018 trả 956.345 đồng, ngày 20/9/2018 trả 57.700.000 đồng và ngày 24/9/2018 trả 17.343.655 đồng). Tiền lãi trong hạn từ thời điểm giải ngân đến trước ngày 26/6/2018 Công ty TĐ đã thanh toán cho Ngân hàng. Từ thời điểm 26/6/2018 đến ngày 12/7/2018, Công ty TĐ còn nợ tiền lãi trong hạn như sau:  $(76.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ ngày} \times 7,6\%/năm) : 365 \text{ ngày} = 269.019 \text{ đồng}$ . Trong tài khoản Công ty TĐ tại thời điểm 13/7/2018 còn lại số tiền 127.747 đồng nên được trừ vào tiền lãi trong hạn, do vậy số tiền lãi trong hạn còn lại chưa thanh toán cho Ngân hàng là:  $269.019 - 127.747 \text{ đồng} = 141.272 \text{ đồng}$  (một trăm bốn mươi một nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

- Tiền lãi quá hạn: Thời điểm chuyển quá hạn đối với khoản vay 76.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 22 ngày 13/3/2018 là ngày 13/7/2018 với số dư nợ gốc tại thời điểm 13/7/2018 là 75.043.655 đồng (do ngày 13/7/2018 Công ty TĐ có trả nợ gốc với số tiền là 956.345 đồng). Đến ngày 20/9/2018, dư nợ gốc của Công ty TĐ giảm xuống còn 17.343.655 đồng (do ngày 20/9/2018 Công ty TĐ có trả nợ gốc với số tiền là 57.700.000 đồng). Do vậy, số ngày quá



hạn thanh toán là 69 ngày (từ ngày 23/7/2018 đến ngày 19/9/2018), được tính như sau:  $(75.043.655 \text{ đồng} \times 7,6\%/năm \times 150\% \times 69 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 1.617.242 \text{ đồng}$  (một triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng) <sup>(1)</sup>. Ngày 20/9/2018, dư nợ gốc của Công ty TĐ là 17.343.655 đồng và ngày 24/9/2018, Công ty TĐ đã trả hết số tiền 17.343.655 đồng. Số ngày quá hạn thanh toán của Công ty TĐ là 04 ngày (từ 20/9/2018 đến ngày 23/9/2018), được tính như sau:  $(17.343.655 \text{ đồng} \times 7,6\%/năm \times 150\% \times 04 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 21.668 \text{ đồng}$  (hai mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng) <sup>(2)</sup>

Tổng cộng tiền lãi quá hạn chưa thanh toán cho giấy nhận nợ số 22 ngày 13/3/2018 là <sup>(1)</sup> + <sup>(2)</sup> = 1.638.910 đồng (một triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm mười đồng).

[3.3.2] Đối với Giấy nhận nợ số 23 ngày 20/3/2018, Công ty TĐ đã nhận tổng cộng 127.000.000 đồng, đã thanh toán 120.000.000 đồng. Đối với Giấy nhận nợ số 23 này thì các thỏa thuận về tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, thời hạn cho vay và ngày lên phiếu tính lãi cũng giống như quy định tại Giấy nhận nợ số 22 ngày 13/3/2018. Ngày chuyển nợ quá hạn của giấy nhận nợ này là ngày 20/7/2018. Tuy nhiên đến ngày 24/9/2018, Công ty TĐ mới tiến hành thanh toán với tiến độ như sau: ngày 24/9/2018 thanh toán 33.000.000 đồng, ngày 27/9/2018 thanh toán 19.000.000 đồng, ngày 28/9/2018 thanh toán 10.000.000 đồng, ngày 01/10/2018 thanh toán 36.000.000 đồng, ngày 02/11/2018 thanh toán 5.000.000 đồng, ngày 19/11/2018 thanh toán 7.000.000 đồng và ngày 22/11/2018 thanh toán 10.000.000 đồng. Tổng cộng, Công ty TĐ đã thanh toán 120.000.000 đồng cho Ngân hàng. Như vậy, đối với Giấy nhận nợ số 23 ngày 20/3/2018, Công ty TĐ chưa thanh toán số tiền 7.000.000 đồng nợ gốc.

- Về tiền lãi trong hạn: Trước thời điểm ngày 26/6/2018, Công ty TĐ vẫn thanh toán tiền lãi trong hạn cho Ngân hàng. Từ ngày 26/6/2018 đến ngày 19/7/2018 (24 ngày), Công ty TĐ còn nợ tiền lãi trong hạn như sau:  $(127.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ ngày} \times 7,6\%/năm) : 365 \text{ ngày} = 634.652 \text{ đồng}$  (sáu trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng).

- Về tiền lãi quá hạn: Thời điểm chuyển quá hạn là ngày 20/7/2018, dư nợ gốc tại thời điểm chuyển quá hạn là 127.000.000 đồng, các lần trả nợ của Công ty TĐ bắt đầu từ 24/9/2018 kèm theo tiền lãi suất quá hạn tính đến thời điểm ngày 06/11/2020 với công thức tính như sau:  $(\text{Dư nợ gốc còn lại} \times \text{Lãi suất năm} \times 150\% \times \text{Số ngày quá hạn}) : 365 \text{ ngày} = \text{Số tiền lãi suất quá hạn chưa thanh toán}$ . Cụ thể:

Ngày trả nợ gốc	Số tiền trả nợ gốc (VND)	Dư nợ (VND)	Từ ngày	Đến ngày	Lãi suất vay (%/năm)	Tổng số ngày quá hạn chưa thanh toán	Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán đến ngày 06/11/2020
24/9/2018	33.000.000	94.000.000	24/9/2018	26/9/2018	7.06	3	88.077

27/9/2018	19.000.000	75.000.000	27/9/2018	27/9/2018	7.60	1	23.425
28/9/2018	10.000.000	65.000.000	28/9/2018	30/9/2018	7.60	3	60.904
01/10/2018	36.000.000	29.000.000	01/10/2018	01/11/2018	7.60	32	289.841
02/11/2018	5.000.000	24.000.000	02/11/2018	18/11/2018	7.60	17	127.430
19/11/2018	7.000.000	17.000.000	19/11/2018	21/11/2018	7.60	3	15.929
22/11/2018	10.000.000	7.000.000	22/11/2018	31/10/2019	7.60	344	752.088
		7.000.000	01/11/2019	28/11/2019	7.10	28	57.189
		7.000.000	29/11/2019	06/11/2020	7.60	344	752.088
		<b>7.000.000</b>					<b>4.784.910</b>

Như vậy, số tiền lãi quá hạn mà Công ty TĐ chưa thanh toán cho Ngân hàng đối với Giấy nhận nợ số 23 ngày 20/3/2018 tính đến ngày 06/11/2020 là 4.784.910 đồng (Bốn triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn, chín trăm mười đồng).

[3.3.3] Đối với các Giấy nhận nợ số 24 ngày 21/3/2018, số 25 ngày 08/5/2018, số 26 ngày 14/5/2018, số 27 ngày 15/5/2018 và số 28 ngày 16/5/2018 do Công ty TĐ không trả được bất kỳ khoản tiền nào nên căn cứ công thức tính tiền lãi trong hạn  $[(\text{Dư nợ gốc} \times \text{lãi quá hạn} \times \text{số ngày quá hạn}) : 365 \text{ ngày}]$  và công thức tính tiền lãi quá hạn  $[(\text{Dư nợ gốc} \times \text{lãi quá hạn} \times 150\% \times \text{số ngày quá hạn}) : 365 \text{ ngày}]$  xác định Công ty TĐ chưa thanh toán tiền lãi trong hạn và quá hạn như sau:

GNN	Số tiền nhận nợ	Ngày nhận nợ	Ngày đến hạn trả nợ	Ngày quá hạn	Ngày trả nợ gốc	số tiền trả nợ gốc	Dư nợ	Từ ngày	Đến ngày	Lãi suất vay (%/năm)	Tổng số ngày quá hạn chưa thanh toán	Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán đến ngày 06/11/2020	Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán đến ngày 06/11/2020
24	50,000,000	21/03/2018	23/07/2018	23/07/2018			50,000,000	26/06/2018	22/07/2018	7.60	27	281,096	-
							50,000,000	23/07/2018	31/10/2019	7.60	466	-	7,277,260
							50,000,000	01/11/2019	28/11/2019	7.10	28	-	408,493
							<b>50,000,000</b>	06/11/2019	17/11/2020	7.60	344	-	5,372,055
Tổng cộng												<b>281,096</b>	<b>13,057,808</b>
25	200,000,000	08/05/2018	10/09/2018	10/09/2018			200,000,000	26/06/2018	09/09/2018	7.60	76	3,164,932	-
							200,000,000	10/09/2018	31/10/2019	7.60	417	-	26,048,219
							200,000,000	01/11/2019	28/11/2019	7.10	28	-	1,633,973
							<b>200,000,000</b>	29/11/2019	06/11/2020	7.60	344	-	21,488,219
Tổng cộng												<b>3,164,932</b>	<b>49,170,411</b>
26	200,000,000	14/05/2018	14/09/2018	14/09/2018			200,000,000	26/06/2018	13/09/2018	7.60	80	3,331,507	-
							200,000,000	14/09/2018	31/10/2019	7.60	413	-	25,798,356
							200,000,000	01/11/2019	28/11/2019	7.10	28	-	1,633,973
							<b>200,000,000</b>	29/11/2019	06/11/2020	7.60	344	-	21,488,219
Tổng cộng												<b>3,331,507</b>	<b>48,920,548</b>
27	200,000,000	16/05/2018	17/09/2018	17/09/2018			200,000,000	26/06/2018	16/09/2018	7.60	83	3,456,438	-

							200,000,000	17/09/2018	31/10/2019	7.60	410	-	25,610,959
							200,000,000	01/11/2019	28/11/2019	7.10	28	-	1,633,973
							<b>200,000,000</b>	29/11/2019	06/11/2020	7.60	344	-	21,488,219
Tổng cộng												<b>3,456,438</b>	<b>48,733,151</b>
28	60,000,000	16/05/2018	17/09/2018	17/09/2018			60,000,000	26/06/2018	16/09/2018	7.60	83	1,036,932	-
							60,000,000	17/09/2018	31/10/2019	7.60	410	-	7,683,288
							60,000,000	01/11/2019	28/11/2019	7.10	28	-	490,192
							<b>60,000,000</b>	29/11/2019	06/11/2020	7.60	344	-	6,446,466
Tổng cộng												<b>1,036,932</b>	<b>14,619,946</b>

Tổng cộng tiền lãi trong hạn của các giấy nhận nợ số 24, 25, 26, 27, 28 là 11.270.905 đồng; tiền lãi quá hạn là 174.501.864 đồng.

[3.4] Như vậy, tổng cộng các khoản tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn của các giấy nhận nợ số 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 là: Tiền lãi trong hạn là 12.046.829 đồng và tiền lãi quá hạn là 180.925.684 đồng.

[3.5] Công ty TĐ có người đại diện theo pháp luật là bà Dương Thị Xuân H không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán được xem là Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng xuất trình, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng với số nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ phải trả. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi (tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn) tính đến ngày 06/11/2020 mà Công ty TĐ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng là 909.972.512 đồng (Chín trăm lẻ chín triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm mười hai đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 717.000.000 đồng (Bảy trăm mười bảy triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 12.046.829 đồng (Mười hai triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi quá hạn là 180.925.684 đồng (Một trăm tám mươi triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi bốn đồng).

[3.6] Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0216/2017/STN ngày 16/5/2017 giữa bên thế chấp là ông Hà Việt C và bà Dương Thị Xuân H và bên nhận thế chấp là Ngân hàng cho thấy ông C và bà H đã thế chấp một xe ô tô hiệu Mercedes-Benz mang biển kiểm soát số 51A-899.86, số loại CLA200, số máy 27091030383692, số khung WDD1173431NO88232, số chỗ ngồi 5 do bà Dương Thị Xuân H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe số 006232 ngày 17/7/2014 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng cấp tín dụng số 0055/TD3.TC/17LD ngày 16/5/2017.

Bà H và ông C là vợ chồng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân phường N, quận M, Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/02/2005. Do vậy tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Mercedes-Benz mang biển kiểm soát số 51A-899.86 được xác định là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông C. Ông C và bà H cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục từ việc ký hợp đồng thế chấp số 0216/2017/STN ngày 16/5/2017, Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm và xe ô tô hiệu Mercedes-Benz mang biển kiểm soát số 51A-899.86 đã được

đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/5/2017 Do vậy, việc nhận thế chấp của Ngân hàng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Việc Công ty TĐ không thanh toán nợ đúng hạn theo Hợp đồng tín dụng số 0055/TD3.TC/17LD ngày 16/5/2017 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01-CV/0055/TD3.TC/17LD ngày 16/5/2017 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Mercedes-Benz mang biển kiểm soát số 51A-899.86 để thu hồi nợ.

[3.7] Về thời hạn thanh toán: Công ty TĐ đã ngừng thanh toán các khoản nợ theo các giấy nhận nợ số 23 (phần nợ gốc còn lại và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn), 24, 25, 26, 27, 28 từ thời điểm nhận tiền giải ngân đến nay, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do vậy, cần buộc Công ty TĐ thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn là Công ty TĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A:

1. Buộc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 909.972.512 đồng (Chín trăm lẻ chín triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm mười hai đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong đó, tiền nợ gốc là 717.000.000 đồng (Bảy trăm mười bảy triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 12.046.829 đồng (Mười hai triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi quá hạn là

180.925.684 đồng (một trăm tám mươi triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi bốn đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0055/TD3.TC/17LD ngày 16/5/2017, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01-CV/0055/TD3.TC/17LD ngày 16/5/2017 và các giấy nhận nợ số 22 ngày 13/3/2018, Giấy nhận nợ số 23 ngày 20/3/2018, Giấy nhận nợ số 24 ngày 21/3/2018, Giấy nhận nợ số 25 ngày 08/5/2018, Giấy nhận nợ số 26 ngày 14/5/2018, Giấy nhận nợ số 27 ngày 15/5/2018 và Giấy nhận nợ số 28 ngày 16/5/2018.

**2.** Trường hợp Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Mercedes-Benz mang biển kiểm soát số 51A-899.86, số loại CLA200, số máy 27091030383692, số khung WDD1173431NO88232, số chỗ ngồi 5 thuộc sở hữu của bà Dương Thị Xuân H và ông Hà Việt C do bà Dương Thị Xuân H đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe số 006232 ngày 17/7/2014 để thu hồi nợ.

**3.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**4.** Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 39.299.175 đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi lăm đồng) do Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.500.777 đồng (mười tám triệu, năm trăm nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0035716 ngày 03/01/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại TĐ, ông Hà Việt C và bà Dương Thị Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Viện KSND Quận 5, TP.HCM;
- Chi Cục THADS Quận 5, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Ngọc Bích**